TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **839**/2018/QĐST-VHNGĐ	*Bình Thạnh, ngày 11 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 516/2018/TLST-VHNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2018, giữa:

Người yêu cầu: ông D

Địa chỉ: 76/40 đường Nguyên Hồng, Phường 11, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Người yêu cầu: Bà V

Địa chỉ: 76/40 đường Nguyên Hồng, Phường 11, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 03 tháng 5 năm 2018;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 03 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Sự thỏa thuận này đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ, con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông D

Địa chỉ: Số 76/40 đường H, Phường G, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh

Bà V

Địa chỉ: Số 76/40 đường H, Phường G, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh

Giấy chứng nhận kết hôn số 90/2014, quyển số 01/2014, do Ủy ban nhân dân Phường Hội P, thành phố P, Tỉnh Gia Lai cấp ngày 01/10/2014 cho ông D và bà V hết hiệu lực từ ngày ban hành quyết định này.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông D và bà V thuận tình ly hôn.

Về quan hệ con chung: Ông D và bà V thống nhất giao con là Nguyễn Hồng Q sinh ngày 06/8/2016 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng, ông D cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng (ba triệu đồng/tháng), cấp dưỡng cho đến khi con thành niên. Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền. Bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 05/2018.

Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ khi bà V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông D không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nói trên, thì ông D còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông D và bà V xác nhận ông bà không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí: Lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, ông D và bà V phải nộp nhưng được cấn trừ vào tiền lệ phí là 300.000 đồng mà ông D và bà V đã nộp theo biên lai thu số 0004191 ngày 26/3/2018 Chi cục Thi hành án quận Bình Thạnh, ông D và bà V đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3.Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm**.**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- UBND Phường Hội Phú, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Yến

-